

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 4 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Ông Đào Văn Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp Z, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

2. *Bị đơn:* Anh Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp Z, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

(Chị T và anh Q đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 4 tháng 01 năm 2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết chị T trình bày: Chị T và anh Q chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã cuộc sống chung không phù hợp. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên K, sinh ngày 16/4/2015 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn, chị T xin tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Q: Anh Q xác nhận lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh Q và chị T theo chị T trình bày là đúng. Nay chị T xin ly hôn, anh Q đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên K, sinh ngày 16/4/2015 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi và anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Nguyên đơn chị T và bị đơn anh Q đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh Q chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Nay chị T và anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên K, sinh ngày 16/4/2015 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn, chị T và anh Q thống nhất thỏa thuận, cụ thể: Chị T được tiếp tục nuôi con chung tên K, sinh ngày 16/4/2015 hiện chị T đang nuôi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Xét sự thỏa thuận giữa chị T và anh Q về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị T và anh Q thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh Q thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi con chung tên K, sinh ngày 16/4/2015 hiện chị T đang nuôi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh Q có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 2078 ngày 9/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị T và anh Q vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã H
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp

